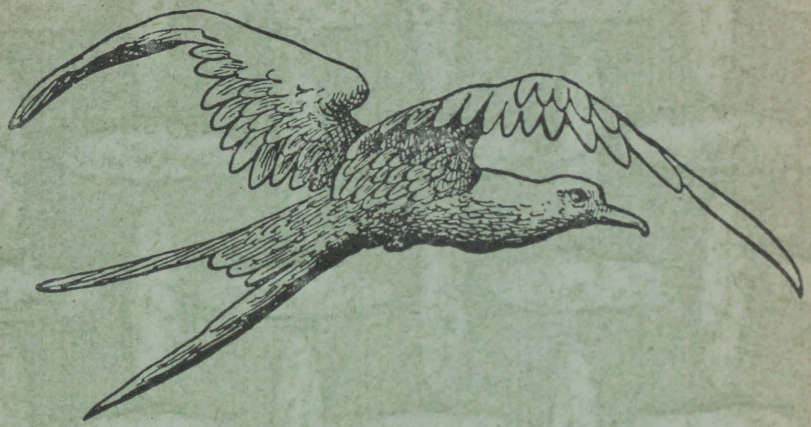
N 14.

宮怨詩
φ



AVIA

宮怨詩.

Cung oán thi.

AB. 549.

北寧, 嘉林, 忠義里.

Bắc-ninh, Gia-lâm, Trung-nghĩa lý.

白蓮庵阮生先.

Bạch-liên-am Nguyễn Tiên-sinh

撰

Soạn

國音一百首.

Quốc âm nhất bách thủ.

Quán Ven Đường mượn từ thư viện Đại Học Yale

f° 1° col 1.

宮怨國音詩.
Cung oán quốc âm thi.

其一.
Kỳ nhất.

扵	傷	朱	吟	却	嬋	娟.
Ngh̃	thương	cho	nhỉ	kiếp	thuyền	quyên.
摟	筆	因	題	一	百	篇.
Mượn	bút	nhân	đề	nhất	bách	thiên,
底	喰錦	貼	遡	得	世	界.
Để	gấm	xem	chơi	người	thế	giới,
麼	傷	衹	仍	仉	迍	邅.
Mà	thương	lấy	những	kẻ	chuân	chiên.
買	咍	森	役	穷	恠	数.
Mới	hay	trăm	việc	cũng	nhỏ	số,
渚	罕	賴	埃	特	鉄	嗾.
Chửa	hẳn	riêng	ai	được	nể	vang.
仍	本	紅	顏	辰	分	菹,
Những	vốn	hồng	nhan	thời	phận	bạc,
斎	哏	埃	拱	世	麼	戒.
Há	rằng	ai	cũng	thế	mà	nên.

其二

f° 1ª, col 1

Kỳ nhị.

儻 塗 統 織 害 嚐 塘.
Thợ giới thêu giệt khéo ghê tường.
撮 把 紅 顏 分 汝 羨.
Giun giấy hồng nhan phận nhỏ nhãng.
殿 漢 蚵 哏 泒 澁 粉.
Điện Hán há răng phai nhạt phấn.
宮 秦 女 底 慣 慵 香.
Cung Tần nỡ để thẹn thùng hường.
冷 禛 翠 羽 南丘 更 月.
Lạnh chăn thuý vũ năm canh nguyệt.
湆 檜 珊 瑚 余 淚 霜.
Giầm gối san hô mấy giọt sương.
線 縐 恚 絲 涂 惑 嘿.
Bối rối lòng tơ thêm thảo mác.
嬋 娟 濘 淂 事 畧 常.
Thuyền quyên nênh nỗi sự lạ thường.

其三
Kỳ tam.

悯 敝 穷 埃 曲 斷 腸.
Biết gửi cùng ai khúc đoạn trường.

讀 催 珠 淚 涯 台二 行.
Đọc thôi châu lệ ứa hai hàng.

鶯 堆 囉 吊 綜 縚 瑟
Oanh đôi gian giúc chưng giây sắt.

鸞 褸 雷 催 碍 霽 鈶
Loan lẻ lôi thôi ngại bóng gương.

淚 質 緘 嫩 高 崒 山突.
Lệ chất thành non cao chót vót.

愁 滌 空 波 穬 溟 茫.
Sầu tuôn không bể rộng mênh mang.

嗤 朋 固 悯 兼 凡 唋.
Ví bằng có biết dường này nhỉ.

統 請 田 家 拱 鎍 嗪
Chửng thỉnh điền gia cũng về vang.

f°2ª; col 1

其 四.
Kỳ tứ.

卒 恨 賴 憑 貝 月 花.
Chót giận riêng lòng với nguyệt hoa.

悯 包 縤 吏 撑 朱 墨.
Biết bao giờ lại gỡ cho ra.

窖 油 氾 貿 身 遊 子.

Khéo dâu dĩ mấy thân du tử.
鞠 嗊 啊 台 客 素 娥.
Sao hãng hờ thay khách tớ nga.
雪 冷 添 咪 得 襜 隻.
Tuyết lạnh thêm xui người gối chiếc.
腔 殘 如 逐 霽 春 戈.
Giàng tàn như giục bóng xuân qua.
嗯 埃 囝 鋪 傳 神 姤.
Nhắn ai có vẽ truyền thần đó.
停 鋪 點 骸 沒 丐 鞑 ½
Dừng vẽ sau lưng một cái già.

其 五.
Kỳ ngũ.

殿 漢 賒 毀 隔 余 滿.
Điện Hán xa xăm cách mấy vời.
窓 緦 圚 墜 翹 花 涞.
Song the quạnh cối cánh hoa rơi.
秋 蹴 拗 鞹 占 包 洶.
Thu về khép cửa chiếm bao vắn.
春 悶 攏 簾 諾 眛 駭
Xuân muộn buồng rèm nhác mắt dại.

fo 2e col 1

彈 掇 嬾 高 陀 扱 曲.
Dān gāy non cao dà gáp khúc.
詩 招 盪 御 薜 戦 啞.
Thơ gieo dành ngự khó nên nhỏi.
悯 哏 農 餒 罢 兼 意.
Biết rằng nông nỗi lā dường ấy.
吁 渚 風 聲 吽 細 迹
Xin chớ phong thanh ngó tỏi ngoài.

其 六.
Kỳ lục.

泣 尋 姊 月 嗨 緣 由.
Khấp tìm chị nguyệt hỏi duyên do.
女 底 鄧 沖 拉 堺 汝口.
Nỡ để gương trong lấp bụi nhờ.
拙 綿 絲 紅 鞘 整 牖.
Chấp mối tơ hồng sao chênh máng.
車 緣 蓼 赤 籐 窖 咻 吟.
Xe duyên lá thắm khéo thơ ơ.
得 蚪 厩 漢 陀 澗 演.
Người ngồi điện Hán đà khơi diễn.
仉 荃 宮 秦 隆 憧 憁.

Khẻ ở cung Cấn lường ngẩn ngơ.
仍 仉 秉 尼 鞘 女 世.
Nhưng kẻ dường nay sao nỡ thế.
慘 台 姊 月 貝 英 絲.
Ngán thay chị - nguyệt với anh - tơ.

其 七.
Kỳ thất.

f° 3ª, col 1.

愁 秋 諸 渭 吏 愁 春
Sầu thu chứa vợi lại sầu xuân.
沒 揀 愁 招 碾 余 斤.
Một gánh sầu deo nặng mấy cân.
麵 塢 哎 花 油 眩 玉
Mặt ư ê hoa dầu giấc ngọc.
淚 澍 汎 粉 惡 肪 銀.
Lệ trôi thất phấn ố gia ngân.
房 揪 賴 仉 唏 霜 瀼.
Phòng - tiêu riêng kẻ hỏi sương quanh.
殿 桂 油 埃 餘 月 陳.
Điện - Quế dù ai vẻ nguyệt trần.
捧 綹 餒 餘 添 噁 嘿.
Rỡ rói nỗi mình thêm thác mắc.

斬 分 捽 吏 惜 閒 分.
Nghĩn phần rứt lại tiếc muôn phần.

其 八
Kỳ bát.

餒 慁 嗤計 悧 余 封 書.
Nối lòng kẻ biết mấy phong thư.
壁 粉 南五 更 窖 項 何.
Vách phấn năm canh khéo hằng hờ.
彈 名 縳 愁 愠 薤 惚.
Dạn lỡ giây sầu buồn khó nhịn.
棋 沙 渚 秘 悧 懞 憐.
Cờ sa nước bí giận mong chờ.
強 吟 詩 怨 吟 耒 吏.
Gượng ngâm thơ oán ngâm rồi lại,
愠 瞵 幀 得 瞵 扶 汝口.
Buồn ngắm tranh người ngắm cũng ro.
愁 怒 得 凡 光 景 仪.
Sầu nọ người nay quang cảnh ấy,
渚 茆 滑 塊 字 相 思.
Nước nào gột khỏe chữ tương tư.

f° 3B, col 1.

其 九 (春 怨)

Kỳ cửu.

閑 紫 研 紅 妥 幅 蘭
Muôn tía nghiên hồng nở bức lan.
郡 劾 痴 鐘 節 春 寒
Quận dau dớn nhẽ tiết xuân hàn.
巧 鶯 唧 囀 边 株 柳
Cái - oanh dứu dít bên chòi liễu
猥 燕 幽 吟 戮 蕖 慢
Con - én u ơ trước lá màn.
景 吟 愧 花 朝 景 覆
Cảnh ngâm ngửi hoa chiều cảnh quanh.
梅 傷 忸 雪 暴 梅 殘
Mai thương nhớ tuyết thuở mai tàn.
悯 春 諸 浿 愁 暝 細
Giận xuân chưa nguội sầu hè tỏé.
強 扔 弦 添 餞 癌 肝
Gượng nghe càng thêm nỗi nguá gan.

其 十
Kỳ thập.

化 兒 寔 固 女 搭 扜
Hoá nhi thực có nỡ giấy vò.

f°4ª col 1.

涔 刼 風 塵 湟 到 烬.
Dậy hiệp phong trần nát đến gio,
免 極 冬 殘 唏 雪 冷.
Dẫ chẳng đông tàn hới tuyết lạnh,
吏 油 春 悶 翹 花 枯.
Lại dầu xuân muộn cánh hoa khô.
油 如 腩 月 鵑 嗥 夏.
Dầu như đêm nguyệt quyên kêu hạ,
盡 買 岸 霜 鴈 哭 秋.
Cực mấy ngàn sương nhạn khóc thu.
寅 拘 寡 朝 朱 到 墨.
Gián vật thăm chiều cho đến mực,
朱 油 朱 極 仄 畏 朱.
Cho dầu cho cực ấy lã cho.

其 十 一.(夏 怨)
Kỳ thập nhất.

朵 花 帝 爵 霩 陽 兜
Đoá hoa nào tỏ bóng dương đâu.
夏 細 春 戈 害 仍 油.
Hạ tới xuân qua khéo nhưng dầu.
唔 咊 免 傷 猥 國 愈.

Khắc khoải đã thương con quốc dỗ.
哑狂 嘹寬 添 怵忧 弓 蜗為 愁.
Bán khoan thêm xót cái ve sầu.
蓮 濡 麵 渃 鴛 攔闌 翅.
Sen nhỏ mặt nước uyên giang cánh.
曝 泮 滬 潸 燕 泊 頭.
Nắng cạn ngòi câu yến bạc đầu.
燶 熂 暻 暝夏 僱 奄 丕.
Nóng nực ngày hè thời đã vậy.
吏 胖 唉 悒 餒 廊 秋
Lại còn e ấp nỗi lang thu.

f°4ᴮ. col 1

其 十 二.
Kỳ thập nhị.

情 恤 吊 固 覽 恤 兜.
Tình buồn nào có thấy nỗi đâu.
緣 分 尼 埃 抵 撟 儌.
Duyên phận nay ai để gẹo nhau.
邊 冷 呫 魂 悗 眱 冷.
Gió lạnh đu hồn êm giấc lạnh.
花 秋 悜 麵 傷 唏 秋.
Hoa thu ghen mặt thuộc hỏi thu.

雪 裝 底 冷 身 煩 惱.
Tuyết giả để lạnh thân phiền não.
腔 癮 撩 迎 霽 骰 數.
Giàng uá treo nghiêng bóng trước sau.
情 景 兼 尼 風 景 伊.
Tình cảnh dường này phong cảnh ấy.
羣 包 饒 女 吏 弦 劳.
Còn bao nhiêu nữa lại càng dau.

其 十 三 (秋 懷)
Kỳ thập tam.

姮 娥 忏 悖 悤 輸 腩.
Hằng nga nỡ nỗ nhịn thâu đêm.
瘨 痛 躺 蜷 弄 幅 襜.
Gậy gọc mình uc lỏng bức xiêm.
楼 用 蔂 鎮 登 岂 蹺.
Cây dụng lá vàng gió ngải nghiêu.
霜 篩 式 玉 柳 擻 鬚.
Sương rây thức ngọc liễu dun mềm.
蓮 殘 沒 朵 瘨 形 蛇.
Sen tàn một đoá gậy hình bướm.
月 烯 南五 吏 燻 霽 蟾.

fo 5a; col 1.

Nguyệt giải năm canh tỏ bóng thiềm.
沒 色 渚 蓮 尽 湿 鵜.
Một sắc nước sen giới thấp thoáng.
哭 霜 猥 鴈 愈 边 簾
Khóc sương con nhạn dũ bên rèm.

其 十 四.
Kỳ thập tứ.

唉 強 心 忙 擰 疼 鐄.
Hãy gượng lâm khuây kẻo vỡ vàng.
緣 鞘 緣 底 冷 清 香.
Duyên sao duyên để lạnh lùng hương.
刼 油 沛 刼 陀 甘 貂.
Kiếp dư phải kiếp đà cam chịu.
身 拱 畧 身 女 拯 傷.
Thân cũng là thân nỡ chẳng thương.
律 帳 琉 蘇 曾 陣 邊.
Lọt trướng lưu - tô tưng trận gió.
攏 禎 翠 羽 余 腊 霜.
Lồng chăn thuý - vũ mấy đêm sương.
緣 箕 冷 汀 畧 如 芳.
Duyên kia lạnh lẽo là như thế.

fº 58, col 1

吁 透 朱 儦 饐 斷 腸，
Xin thấu cho nhau nỗi đoạn tường，

其 十 五 （冬 總）
Kỳ thập ngũ.

楨 鳷 之 底 客 調 鷺，
Chăn loan chi để khách điu hiu.

霜 雪 脂 冬 冷 汙 朝，
Sương tuyết đêm đông lạnh leõ chiu.

壁 粉 惘 掾 猥 鴈 鐫，
Vách phấn muốn chôn con nhạn vẽ.

帳 絁 侯 喳 蓑 蘭 絩，
Trướng the hầu chực lá lan thêu.

聊 荃 耆 殺 罟 包 那，
Mùa giờ tú sái lã bao ná，

身 妾 卓 寒 拱 開 饒，
Thân thiếp đơn hàn cũng bấy nhiêu.

鞦 周 陽 春 潭 廕 貝，
May có dương xuân đầm ấm vui

仍 如 冬 買 拱 穩 料，
Những như đông mãi cũng nên liệu.

其 十 六，

Kỳ thập lục.

膺 埃 朗 嗨 淮 樓 高.
Nhạn ai lăng hỏi chốn lâu cao.
哏 客 為 埃 沛 渴 滈.
Răng khách vi ai phải khát khao.
餒 帝 餒 低 陀 透 渚.
Nỏi đấy nỏi đây đà thấu chưa.
哏 緣 哏 嫺 仍 心 鞘.
Răng duyên răng nợ nhưng lâm sao.
餒 吊 油 盡 如 情 仪.
Nỏi nào dù chẳng như tình ấy.
情 意 能 埃 到 餒 吊.
Tình ấy hay ai đến nỏi nào.
f° 6ª; col 1
湿 糊 鄑 膝 如 毛 覽.
Thấp thoáng dưới giăng như đã thấy.
沛 庄 能 客 吏 占 包.
Phải chăng hay khách lại chiếm bao.

其 十 七.
Kỳ thập thất.

悴 餒 緣 催 吏 慴 運.
Xót nỏi duyên thôi lại tủi vận.

傷 得 包 那 𠊛 傷 身.
Thương người bao ná ấy thương thân.

滨 銅 行 淚 穷 招 質.
Giọt đồng hàng lệ cũng gieo giát.

粗 悶 湯 愁 隘 怊 恪.
Cỏn muộn thang sầu lường lưã lẫn.

余 曲 斷 腸 歌 蜍 吻.
Mấy khúc đoạn tràng ca giẻ thél.

𢧐 包 恢 想 啫 鯨 擬.
Trải bao hoài tưởng tiếng kình ngân.

房 蘭 吝 論 汚 幽 谷.
Phòng lan lẫn lộn miễn u cốc.

周 暴 陽 春 煲 榜 財.
Có thuở dương xuân bén bảng gần.

其 十 八.
Kỳ thập bát.

沒 陣 相 思 沒 恼 惱.
Một trận tương tư một não nã.

恼 催 吏 悁 数 桃 花.
Buồn thôi lại giận số đào hoa.

悁 穷 神 女 坤 忉 特.

fo 6B. col 1

Giận cũng thẫn nứ khôn khuây dược.
慎 余 良 朋 監 吶 墨.
Thẹn mấy lường bằng giám nói ra.
扶 綿 解 同 包 掀 到.
Chắl mối giải đồng bao giử đến.
搓 穷 困 造 拯 兜 畧.
Xoay cùng khuôn tạo chẳng đâu lã.
身 尼 欧 罕 徐 低 吹,
Thân nầy âu hản tư đây nhỉ.
嚬 拯 終 吞 貝 月 花.
Thê chẳng chung giới với nguyệt hoa.

其 十 九.
Kỳ thập cửu.

忏 悖 房 揪 祝 閉 矜.
Vô nỗ phòng tiêu chốc bấy nay.
盪 潳 坤 寫 脉 愁 尼.
Dãnh câu khôn tả mạch sầu nầy.
腔 棋 戮 屋 簫 群 揄.
Giàng kê trước ốc rèm còn dư.
花 妥 边 墡 襖 怲 揀.
Hoa nỏ bên thêm áo biếng thay.

嗼 噤 寴 朝 嗜 粧 咽.
Nghiễn ngấm trầm chiêu cười nuả miệng,
憪 憱 吟 曲 塢 堆 鬠.
Ngẩn ngơ chín khúc ư đôi mấy.
瞻 姜 躺 吏 慼 躺 勷.
Nhìn giường mình lại yêu mình lắm,
胖 悳 承 恩 拱 圄 暻.
Còn cậy thửa ơn cũng có ngày.

f° 7ª col 1

其 二 十
Kỳ nhị thập.

化 工 酸 孚 耡 圄 帝.
Hoá công gây giựng chửa khuôn nào:
綿 俚 嗜 埃 害 綹 揮.
Mối lái khen ai khéo rối trao.
撥 仉 紅 顏 才 分 箔
Xui kẻ hồng nhan tài phận bạc,
遣 得 膦 粉 捐 絲 桃.
Khiến người má phấn quyến tơ đào,
耳宣 更 鵬 嘐 憃 淶 慴.
Nghe canh quốc giống lòng thêm tủi.
覽 憂 鵊 嗃 粿 渴 滀.

Thấy lũ ve kêu mặt khát khao.
塗 冷 凍 台 霜 妣 襖.
Giời lạnh lùng thay sương nửa gối.
陽 臺 歐 毛 永 占 包.
Dương đài âu đã vắng chiếm bao.

其 二 十 一.
Kỳ nhị thập nhất.

房 椒 包 那 細 臺 陽.
Phòng tiêu bao ná tới đài dương.
學 學 貼 朋 余 黤 長.
Gang tắc xem bằng mấy dặm trường.
春 細 塢 咴 孤 燕 鼈.
Xuân tới ư ê con én trắng.
冬 蹴 瘨 瘍 朵 梅 鐄.
Đông về gẫy gọc đoá mai vàng.
調 鷬 曝 夏 鵑 嗃 月
Điu hiu nắng hạ quyên kêu nguyệt.
寂 寞 塗 秋 鴈 哭 霜.
Tịch mịch giời thu nhạn khóc sương.
光 景 懤 得 恤 粗 丗.
Quang cảnh chiều người vui, tẻ thế.

f° 7B, col 1

窖 罢 统 纕 綿 愁 腸.
Khéo là thêu giệt mối sầu trường.

其 二 十 二.
Kỳ nhị thập nhị.

暝 吏 藍 田 色 波 桄.
Ngắm lại lam điền đã bẻ giàu.
悯 撒 曷 玉 掀 包 兜.
Biết đem hạt ngọc gửi vào đâu.
身 𢆶 拯 痂 身 徐 月.
Thân sao chẳng mỏi thân chờ nguyệt,
分 窖 罢 痂 分 挹 抹.
Phận khéo là rỏ phận ấp cầu.
腓 綁 愁 寅 曾 曲 腓.
Ruột quặn sầu giăn từng khúc ruột,
愁 揍 腓 木 余 嫩 愁.
Sầu xây ruột mọc mấy non sầu.
傕 停 悯 綁 絖 愁 女.
Thôi đừng giận quản quanh sầu nữa.
愁 恨 罢 緣 固 扔 兜.
Sầu hận là duyên có nghĩ đâu.

其 二 十 三.

fo 8a col 1

Kỳ nhị thập tam.

窖 噎 聰 台 蝭 技 墡.
Khéo ới tai thay giề kẻ thêm.

𩛙 油 暱 吏 掇 油 脂.
Dẫ dầu ngay lại dưới dầu dìm.

鬚 散 作 柳 濡 硯 墨.
Mấy tan tác liễu trôi nghiên mực.

糾 悖 鐄 螐 弄 幅 襜.
Vóc vỡ vàng ve lồng bức xiêm.

杏 拯 霜 招 麎 塢 淚.
Hạnh chẳng sương gieo mà ủ giọt.

桃 空 邊 迺 拱 撥 羶.
Đào không gió tạp cũng dun mềm.

餧 躺 节 悯 埃 麎 燾.
Nỗi mình nào biết ai mà tỏ.

固 燾 朱 庄 沒 霎 蟾.
Có tỏ cho chàng một bóng thiềm.

其二十四.

Kỳ nhị thập tứ.

鼻 麎 抬 掛 特 緣 僥.
Rẽ mà thay đổi được duyên nhau.

抬 掷 呐 時 波 貫 槐.
Thay đổi dù thời bể mới giàu.
余 段 仍 畧 油 余 段.
Mấy đoạn những lã dầu mấy đoạn.
曾 覓 催 吏 慞 曾 覓.
Từng nao thôi lại tử từng nao,
約 夷 連 特 調 慍 鎒.
Ước gì lên được đều vui vẻ.
麽 鼽 懾 逆 綿 慘 愁.
Mã nễ giun dưa mới thảm sầu.
慍 吏 祕 翼 麽 此 睦.
Buồn lại lấy gương mà thử ngắm.
拯 花 麽 塌 抑 麽 油.
Chẳng hoa mà ủ liều mà dầu.

f°8B; col1

其 二 十 五.
Kỳ nhị thập ngũ.

沒 躰 晡 永 吏 腊 偷.
Một mình ngày vắng lại đêm thâu.
囤 覽 之 慍 覽 仍 愁.
Có thấy chi vui thấy những sầu.
堶 拉 翼 鳶 趨 免 恫.

Bụi lấp giường loan chửi đã bằng.
褙 雷 禛 鳳 叭 吊 數.
Lẻ loi chăn phượng nhấp nào lâu.
慵 憙 貝 諾 坤 招 蓦.
Chẹn lòng với nước khôn gieo lá.
沛 劫 辰 羝 路 攢 揆.
Phải kiếp thì giê lọ giải giầu.
雞 嗜 猥 侯 諸 欽 意.
Trẻ nhỏ con hầu chửa lượm ý.
香 花 嚼 啦 戢 徜 兜.
Hương hoa giập nập chắc về đâu.

其 二 十 六
Kỳ nhị thập lục.

窖 喻 咦 儌 嚚 墋 塵.
Khéo dư nê nhau xuống cõi trần.
麾 撋 緣 僨 糾 包 身.
Mã dem duyên nợ buộc vào thân.
巫 - 峯 遷 迍 魂 閃 黯.
Vu phong mây đón hồn muôn dặm
銅 雀 春 深 鎖 余 絡.
Đồng tước xuân thâm toả mấy lần.

fo 9a col 1.

鑓 駑 鑄 戴 形 玉 笑.
Vàng nẽ đúc nên hình ngọc tiếu.
筆 帋 捾 特 揙 佳 人.
Bút nào vẽ được mặt giai nhân.
嗊 哏 捾 特 容 儀 仪.
Dấu ràng vẽ được dung nghi ấy.
坤 捾 朱 戴 汶 傳 春.
Khôn vẽ cho nên một truyện xuân.

其 二 十 七
Kỳ nhị thập thất.

帳 鸞 陳 濁 綿 愁 撩.
Trướng loan giăng giọc mới sầu treo.
拱 綴 添 恿 分 慼 囂.
~~Rủ~~ rối thêm buồn phận hẩm ~~hiu~~ hiu.
宮 - 桂 緣 派 持 霉 兎.
Cung - quế duyên phai chầy bóng thỏ.
房 - 椒 式 赫 憫 車 猴.
Phòng - tiêu thức thắm ngóng xe hiêu.
藝 詩 招 段 吟 群 矜.
Lá thơ gieo đoạn ngâm còn ngại.
練 月 紅 催 撐 特 帋.

Dây
Giây nguyệt vường thôi gỡ được nào.
餧 怒 塘 箕 油 氾 鼜.
Nỗi nọ đường kia dấu dĩ lắm.
帳 鸞 陳 濁 綿 愁 撩.
Trướng loan gián giọc nối sầu treo.

fº 9ᵇ. col 1.

其 二 十 八.
Kỳ nhị thập bát.

緣 厄 扣 等 黜 為 埃.
Duyên này đeo đẳng bỏi rủi ai,
戒 餧 芙 蓉 劍 鐩 魚.
Nên nỗi phù dung kém vẻ tươi.
戒 蝶 梦 殘 咟信 燕 啄.
Giấc điệp mộng tàn tin yến giục
帳 鸞 炉 冷 閘 香 津.
Trướng loan lò lạnh giấu hương rỏi,
詩 題 棲 奄 戒 詩 蔓.
Thơ đề cây đã nên thơ lá.
淚 瀲 墻 調 仍 淚 泪.
Giọt rỏ tường đều những giọt hồi.
綑 綴 駓 騖 怍 悃 特.
Bỏi rối rẽ mà khuây khoả được

波 愁 坤 灌 特 戚 滿
Bể sầu khôn tát tuực nên vơi.

其 二 十 九
Kỳ nhị thập cửu.

囂 迨 茉 梧 奄 熾 萌.
Hiêu hát chôi ngô đã xế mành.
憃 愁 対 景 朗 鞠 惇.
Lồng sầu đối cảnh lặng sao dành.
源 恩 拯 灌 麽 耗 泮.
Nguồn ơn chẳng tát mã hao cạn.
波 慘 空 靈 俸 沒 濘.
Bể thảm không dao bống nổi nênh.
香 灺 靦 鐀 榮 洶 燒.
Hương tốt bình vàng oanh vẫn khói.
姜 扣 簪 玉 蹬 涑 溫.
Gương gió thâm ngọc đạp rới dành.
旵 絡 唶 遖 源 千 仄.
Chín lần rúi thấu nguồn còn ngỷ.
時 拱 傷 朱 怵 猛 情.
Chôi cũng thương cho chút mảnh tình.

其 三 十.

fo 10a col 1.

Kỳ tam thập.

愁 唉 箕 埃 窖 保 偺
Sầu hỏi kia ai khéo bảo may.

掯 躺 蹥 蹈石 到 窓 遲
Đem mình lên lỏi đến song mây.

逐 得 粧 戢 淦 慘 悽.
Giục người nửa giấc thêm ngao ngán.

吧招 客 南五 更 仍 醒 醒差.
Trêu khách năm canh những tỉnh say.

煞 悯 叁 箕 陀 定 帝.
Có biết giời kia đã định đấy.

戢 掯 愁 仄 撚 包 低.
Nên đem sầu ấy buộc vào đây.

分 油 惇 丕 催 辰 丕.
Phận dù đành vậy thôi thì vậy.

恚 怒 愁 箕 過 悽 台.
Lòng nọ sầu kia quá ngán thay.

其三十一.
Kì tam thập nhất.

f° 10 B, col 1

春 撐 惜 咚 腦 暱 跕.
Xuân xanh tuếch nhỉ tháng ngày mau.

波 愛 源 恩 仍 𦋥 兜.
Bé ái nguồn ân những ở đâu.

余 啱 吟 嫩 鷁 隔 幅.
Mấy tiếng nỉ non vẻ cách bức.

沒 堆 吊 贇 燕 边 樓.
Một đôi giú gió én bên lầu.

欺 尽 斯 創 花 喂 呵.
Khi giời gần sáng hoa ơi à.

怒 霥 徘 歌 柳 湛 油.
Nọ bóng về hôm liễu giận giầu.

孤 蛔 故 之 沙 戮 粗.
Con nhện cơ chi sa trước mặt.

哉 咍 胡 使 𠀧 邎 朝.
Hay lin Hồ sứ đã sang châu.

其 三 十 二.
Kỳ tam thập nhị.

餒 躰 陳 濁 沒 躰 咍.
Nỏi mình trần trọc một mình hay.

悧 摟 埃 癌 胎 悧 台.
Biết mượn ai mà gia giận thay.

嗐 悧 哏 碧 緣 分 勞.

Ví biết rằng xưa duyên phận thế.
辰 之 到 餒 諾 嬴 尼.
Thì chí đến nỗi nước non này.
曈 花 吏 慚 坤 吟 慵.
Trông hoa lại thẹn khôn lâm lặng
覩 景 添 慍 薩 羅 恆.
Thấy cảnh thêm buồn khó nhẽ khuây.
悵 羅 感 情 濃 霎 漐.
Ngán nhẽ cảm tình nồng bóng nhạt.
唭 埃 綿 俚 窖 柴 揀.
Khen ai mới lái khéo thay lay.

f° 11a col 1.

其 三 十 三.

Kỳ tam thập tam.

殿 楓 高 瀋 透 情 座.
Đền phong cao thẳm thấu tình chăng.
宮 廣 鞘 賴 負 奴 媕.
Cung quảng sao riêng phụ ả hằng.
襜 冷 樓 莊 霜 揀 韌.
Gối lạnh lâu trang sương đóng cửa.
遙 扛 嵩 炭 燕 澗 澄.
Mây giăng đỉnh giáp én khói chứng.

沒 炉 禛 翠 牟 灰 捲.
Một lô chẩn thúy bô hôi quán.

余 幅 紳 縲 渚 昧 冷.
Mấy bức khăn lã nước mắt ngưng.

分 沒 淨 尼 包 掣 嘰計.
Phận nổi nênh này bao xiết kể,

嘰啻 磋 愁 想 奄 城 層.
Vì xây sầu tưởng đã nên tầng.

其 三 十 四.
Kỳ tam thập tứ.

隻 霥 巫 山 戢 梦 油.
Chiếc bóng vu Sởn giấc mộng giầu.

咻 跣 霤 邊 到 紅 樓.
Nhẫm theo mưa gió đến hồng lâu.

托 簫 懞 保 嗌 欣 舌.
Thác rèm mong báo nhỏi hôn thiệt,

則斤 近 群 咳 仉 跣 斷.
Gần cận còn e kẻ trước sau,

霜 磭 唏 霜 魂 虯 憊.
Sương nặng hỏi sương hồn buồn mệt,

月 征 霥 月 刻 更 數.
Nguyệt chênh bóng nguyệt khắc canh lâu.

f° 11 B. col 1.

箕 埃 悒 戢 鞘 旁 桂
Kiā ai êm giắc trong phòng quế
鼪 拖 朱 低 姅 綿 愁
Cựu dỏ cho dây nứa nối sầu

其 三 十 五
Kỳ tam thập ngũ

秩 覽 茶 縻 妾 幅 蘭
Chột thấy trà - nụy nở bức lan
慲 疚 慧 吹 客 花 殘
Quận dau bồng nhỉ khách hoa tàn
樓 涞 瀲 壳 為 踈 劄
Cây rói xao xác vì thơ chép
墻 捲 喧 砾 仍 淚 瀾
Cường quấn hoen vôi những lệ tràn
宮 廣 拯 仙 鞠 檜 鳳
Cung quảng chẳng tiên sao gốc phượng
嫩 崙 隴 戢 洶 禛 薦
Non vu luống chắc vẩn chăn loan
花 紝 窖 吹 拎 仃 覓
Hoa vường chéo nhỉ cầm cân mác
狂 粔 尼 恆 拯 拙 刊

Chốn tề nơi vui chẳng sẻ san.

fo 12a. col 1.

其三十六.

Kỳ tam thập lục.

扣等𠸘之閉咳喔.
Deo đẳng lâm chi lấy hỏi chiêng.

牖悉慲慘憐餧終賴.
Mảnh lòng ngao ngán nỏi chồng chênh.

喙番軒吉朝慲慬.
Đài phen hiên cát chiếu ngơ ngẩn.

唒想禛衝分揌迎.
Dầu tưởng chân cui phận ngả nghiêng.

戢梦巫峯魂𠰁樂.
Giấc mộng vu phong hồn đã nhác,

勾詩恢戌讀戠生.
Câu thơ hoài thú đọc nên xinh,

愁撩景夐得油烇.
Sầu treo cảnh quạnh người giầu giải.

蝒揄粧臺𠰁仝脛.
Nhện dủ trang đài đã mấy giêng.

其三十七.

Kỳ tam thập thất.

迨 干 曝 燥 吏 霽 沙.
Gặp còn nắng dốt lại mưa sa.
潘 淖 春 撐 鼜 踖 戈.
Chấm thốt xuân xanh rề tếch qua.
咮 噴 腩 暱 傕 勞 以,
Chua chát tháng ngày thời thế ấy.
吼 裴 忼 鬬 悯 包 畏.
Ngọt bùi khuya sớm biết bao lá.
泥 之 春 悶 牟 花 妥.
Nệ chi xuân muộn mầu hoa nở.
跰 惴 秋 迖 仉 雪 坡.
Bận chút thu chầy kẻ tuyết pha.
嗦 却 數 齤 群 膞 粉.
Ví kiếp sau mà còn má phấn,
油 鐄 稅 拱 揱 宮 華.
Dù vàng thuế cũng chẳng cung hoa.

f° 12B, col 1.

其三十八.
Kỳ tam thập bát.

窖 滂 槐 之 淮 廣 寒.
Khéo bẻ giậu chi chòi quảng hàn.
齤 揀 姊 月 鼾 塵 間.

Bà rời chị nguyệt xuống trần gian.
奄 病 猥 相 欺 憫 慳.
Dã mon con mắt khi mừng tủi.
吏 拯 賴 憙 睬 合 散.
Lại chẳng riêng lòng thuở hợp tan.
穢 雞 坤 修 憙 俗 累.
Tuổi trẻ khôn tu lòng tục luỵ.
麵 愁 易 滑 態 辛 酸.
Mặt sầu rẽ gột thói tân toan.
扣 鬻 疇 此 風 情 吏.
Gió gường soi thửa phong tình lại.
覩 麵 得 愁 哭 仍 冤.
Thấy mặt người sầu khóc những oan.

其 三 十 九.
Kỳ tam thập cửu.

f° 13ª, col 1

特 庄 器 沒 嗜 王 人.
Được chăng lời một tiếng vương nhân.
吝 呂 倅 辰 摄 穿 春.
Lẫn lựa thôi thì xếp chữ xuân.
縯 瑟 解 愁 腔 嗜 玉.
Giây sắt giải sầu xoang tiếng ngọc.

首 詩 題 怨 招 句 神.
Chử thơ đề oán lúa câu thần.

局 棋 秘 諾 空 埃 撑.
Cuộc cờ bí nước không ai gỡ.

嘶 酳 消 煩 固 仉 擬.
Chén rượu tiêu phiền có kẻ ngăn.

帋 沛 樓 臺 風 味 巴.
Nào phải lâu đài phong vị ít,

悉 尼 辣 蓎 喆 閉 分.
Lòng này cay đắng kẻ muôn phần.

其 四 十.
Kỳ tứ thập.

嗻 忸 源 干 吏 慽 運.
Sực nhớ nguồn con lại tủi vận.

扔 身 包 那 吏 傷 身.
Nghĩ thân bao nài lại thương thân.

扣 愁 壳 奄 兼 猥 鵬.
Deo sầu xác đã dường con quốc.

遒 慘 得 陀 摂 学 春.
Chờ thảm người đã xếp chữ xuân.

糆 塢 咏 花 愴 每 餞.

f° 13 B. col 1.

Mặt ủ ê hoa buồn mọi nỗi.
悉 慨 悽 月 悯 慕 分.
Lòng ngao ngán nguyệt giận trăm phần.
油 辙 油 愜 歐 罢 分
Dù may dù nửa âu lá phận,
緣 極 恰 油 仄 嬪 雖.
Duyên chẳng ưa dù ấy nợ nần.

其 四 十 一.
Kỳ tứ thập nhất.

宮 禁 風 光 掣 美 苗.
Cung cấm phong quang xiết mỹ miêu.
賴 躰 僥 景 慴 慕 朝.
Riêng mình thấy cảnh tức trăm chiều.
暟 春 花 妥 鴦 空 吶,
Ngày xuân hoa nở oanh không nói,
脂 夏 腔 殘 國鳥 唉 嗃,
Đêm hạ giăng tàn quốc hay kêu.
秋 細 遾 鐄 派 式 蓁,
Thu tới gió vàng phai thước lá,
冬 鄰 雪 鼕 澣 味 蓼.
Đông về tuyết trắng nhạt mùi rêu.

Quán Ven Đường mượn từ thư viện Đại Học Yale

迷 南 岑 圊 罩 瞰 欠.
Quanh năm giời có bốn mùa ấy.
群 圊 包 饒 悯 閒 饒.
Còn có bao nhiêu giận bấy nhiêu.

其 四 十 二.
Kỳ tứ thập nhị.

緣 分 為 埃 窖 愜 鞦.
Duyên phận ư ai khéo rủi may.
酳 情 拯 囌 俸 鞑 酳.
Rượu tình chẳng chén bỗng nên say.
嚪 悉 哏 沛 忉 停 忸.
Giận lòng rằng phải khuây dứng nhớ.
卒 沛 鞑 悉 忸 拯 忉.
Cho phải nên lòng nhớ chẳng khuây.
拵 案 奄 痢 匹 學 楛.
Của án đã môn ba tác gỗ.
斤 愁 吏 碾 沒 分 縳.
Cân sầu lại nặng một phân giây.
魔 聲 拯 打 得 宮 月.
Ma thiêng chẳng đánh nguời cung nguyệt.
車 織 朱 得 仍 痂 捆.

f° 14ª, col 1.

xe chỉ cho người những mỏi tay.

其四十一.
Kỳ tứ thập nhất.

撟捐得之汶字情.
Kẻo coi người chỉ một chữ tình.

催停揀綴吏恤惺.
Thôi dừng rỏ rói lại buồn tênh.

吟油汜鳳坤都嘴.
Ngâm dầu dĩ phượng khôn đua tiếng,

麵塢咏鳶窖淡形.
Mặt ủ ê loan khéo đượm hình.

花憚油朝棋戮案.
Hoa gián giầu chiều kẻ trước án.

月慲怪鵆徠邊萌.
Nguyệt mờ màng vẻ hé bên mành.

嚏陽包那唏春焲.
Dai dương bao nả hỏi xuân bén,

惇底賴埃勦不平.
Dành để riêng ai chịu bất bình.

f° 14ᵇ; col 1

其四十四.
Kỳ tứ thập tứ.

咳 強 吟 清 矯 客 嗔.
Hảy giường lâm thinh kẻo khách cười.
愁 尼 埃 底 沒 翰 埃.
Sầu nay ai để một mình ai.
褸 雷 隻 霎 劉 慚 水.
Lẻ loi chiếc bóng giường mơ thủy.
揣 拉 行 踈 鮫 何 悕.
Bụi lấp hàng thơ quạt hả hê.
渚 相 相 思 沙 昡 永.
Nước mắt tương tư sa lúc vắng.
侵心 悉 覚 慕 憚 脂 踐.
Cầm lòng ái mộ giận đêm dài.
脂 清 永 鎩 埃 吟 伴.
Đêm thanh vắng vẻ ai làm bạn.
吟 伴 低 庄 霎 貝 得
Làm bạn đây chăng bóng với người.

其四十五.
Kỳ tứ thập ngũ.

鮮 塢 器 歪 固 扔 兜.
Cười ư là giỏi có nghề đâu.
身 尼 𩵦 預 准 宮 珠.

Thân nay đã dự chốn cung châu.
惜 芸 哎 衳 孮 婑 妈.
Tiếc nghề giấy lấy con em gái.
愱 傳 忯 穷 頂 奈 侯.
Vui truyện khuây cùng đưa ả hầu.
卷 册 吟 哦 忯 事 黜.
Quyển sách ngâm nga khuây sự cũ.
杉 弹 絖 縌 爲 干 愁.
Phím đàn thêu giết tả còn sầu.
餒 翰 奄 丕 辰 油 丕.
Nỗi mình đã vậy thì dầu vậy.
忺 到 嚴 慈 肆 郡 疡.
Nhớ đến Nghiêm, Từ nuột quạnh đau.

其 四 十 六.
Kỳ tứ thập lục.

灂 瀉 霤 泮 余 滨 沙.
Lách rách mưa ngâu mấy giọt sa.
扔 得 傕 吏 慴 緣 些.
Nghĩ người thôi lại tủi duyên ta.
緣 埃 唒 粎 胖 忺 数
Duyên ai dầu tẻ còn nhớ số.

fo 15a col 1

身 伊 辗 怖 矯 女 粧.
Thân ấy nên lo kẻo nữa già.
想 到 如 嗽 油 氾 到.
Tưởng đến như xui dầu đi đến.
吶 罷 吏 慅 嗽 沁 罷.
Nói ra loại sợ tiếng tâm ra.
歐 惇 果 刼 嗽 辗 丕.
Âu đành quả kiếp xui nên vậy.
嫺 戮 緣 黏 貫 拯 他.
Nợ trước duyên sau mãi chẳng tha.

其 四 十 七.
Kỳ tứ thập thất.

fo 15 8; col 1.

朝 垄 遾 裌 吏 霜 巢.
Chiều giời gió kẹp lại mưa dồn.
花 月 芾 兜 拯 扯 判.
Hoa nguyệt nào đâu chẳng sẻ san.
遾 動 憁 春 干 遾 亟.
Gió động lòng xuân còn gió táp.
花 嘲 麵 客 鐷 花 殘.
Hoa chào mặt khách nể hoa tàn.
雪 醝 式 鼎 魂 枚 冷.

Tuyết say thúc trăng hôn mai lạnh,
月 濃 牟 鎮 戢 蝶 散.
Nguyệt nhạt mâu vâng giấc điệp tan.
悤 嘴 悤 催 停 抔 汤.
Lòng giận lòng thôi đứng nghĩ vẩn.
迆 惇 灰 憯 分 紅 顏.
Dở dành hôi hẩm phận hồng nhan.

其 四 十 八.
Kỳ tứ thập bát.

霽 塢 咳 台 麵 慼 慷.
Bóng ủ ê thay mặt bẽ bàng.
瞳 劇 躰 吏 覭 躰 傷.
Trông gương mình lại thấy mình thương.
拯 已 生 黜 圖 霜 邊.
Chẳng ba sinh trước vậy mưa gió,
鞠 洟 緣 尼 汕 炤 香.
Sao một duyên này người lứa hương.
麵 玉 憶 憮 瘨 像 玉.
Mặt ngọc ngân ngơ gầy dáng ngọc.
梗 霜 招 折 礦 悤 霜
Cành sương trìu trịt nặng lòng sương.

f° 16 a col 1.

擾 埃 窖 鷂 奩 粧 點.
Muộn ai khéo dúc gương trang điểm.
鷂 沒 得 愁 戳 麵 奩.
Dúc một người sầu trước mặt gương.

其 四 十 九.
Kỳ tứ thập cửu.

攕 祝 心 之 盜 剪 權.
Chen chúc lâm chi dám cuả quyền.
更 輸 陳 濁 戝 孤 眠.
Canh thâu trần trọc giấc cô miên.
簾 花 哉 左 翡 茉 柳.
Rèm hoa tới tả vài chồi liễu.
帳 錦 悤 憚 隻 襘 鸞.
Trướng gấm êm đềm chiếc gối loan.
爐 焠 炤 湘 炉 太 乙.
Lò thái ất.
竜 玲 溪 淚 瀝 桃 源.
Long lanh giọt lệ lạch đào nguyên.
宮 塘 油 汜 器 兼 仄.
Cung đường dầu dĩ lã dường ấy.
弦 抧 弦 扣 礦 梗 煩.

Càng nghĩ càng đeo nặng gánh phiền.

其五十
Kỳ ngũ thập.

房椒吝橘奄巴冬.
Phòng-tiêu lẫn quất đã ba đông,
辣粉派香隆冷淸.
Nhạt phấn phái hương lưỡng lạnh lùng.
雪泣隘南春覓墜,
Tuyết khấp ải nam xuân quạnh cõi.
愁滌波北脆竜冬.
Sầu tuôn bể bắc giá long đong.
壳蟜瘨瘍襜霓淸.
Xác ve gầy gục xiêm nghê lỏng
魂蚿慲怪戢梦空.
Hồn buồn mơ mãng giấc mộng không.
弦抔姻緣弦抔慲.
Càng nghĩ nhân duyên càng nghĩ giận,
傷嗅分箔伒洪鈞.
Thương ôi phận bạc mấy Hồng-quân.

其五十一.
Kỳ ngũ thập nhất.

f°16B. col 1.

雞 踈 踘 踏 餧 覇 鄙.
Tre' thơ tập tịnh nõi giàu sang.
緣 分 撚 拯 胣 滾 昂.
Duyên phận chồng chênh gịa ngồn ngang.
曲 鳳 边 聰 摳 粧 玉.
Khúc phượng bên tai khua tuả ngọc.
鐌 鴛 倘 粔 孕 針 鐄.
Vẻ uyên thoảng mặt giường châm vàng.
昭 陽 霤 湿 花 閧 朵.
Chiêu - dương mưa xập hoa muôn đoá.
太 極 遬 雯 月 姅 羣.
Thái - cực mây che nguyệt nửa gương.
燶 澠 麝 之 傕 拱 潛.
Nồng nhạt mơ chi thôi cũng chớ.
空 得 悜 怯 周 得 傷.
Không người ghen ghét có người thương.

f° 17ª col 1.

其 五 十 二.
Kỳ ngũ thập nhị.

𢆶 余 森 南 買 歡 塵.
Dù may trăm năm nuí xuống thân.
粘 恤 愶 慬 絆 森 分.

Tế mui mũng tủi bận trăm phần.

免 愠 姅 劫 術 逄 子.

Dạ buồn nuả kiếp về du - tử.

吏 慱 稹 悉 貝 化 鈞.

Lại giận riêng lòng với hoá - quân.

胣 鉄 易 咪 為 麵 玉.

Giạ sắt rẻ xui vì mặt ngọc.

肝 鎮 坤 愍 睏 胣 舂.

Gan vàng khôn nhịn thuở đêm xuân.

墜 塵 塵 累 畏 如 世.

Coĩ trần trần lụy lạ như thế.

坤 學 朱 穢 法 隱 身.

Khôn học cho nên phép ẩn thân.

其 五 十 三.

Kỳ ngũ thập tam.

餒 怒 塘 箕 抔 窖 油.

Nỏ nọ đường kía nghĩ khéo dầu.

論 暟 永 鼨 吏 胣 秋.

Trọn ngày vắng vẻ lại đêm thâu.

砑 被 鬨 免 縿 悉 磉.

Nghiên vùa mở đá mềm lòng đá.

墨 啐 礎 催 洶 滨 珠.
Mực tuôl mãi thôi vẩn giọl châu.

筆 劄 字 情 罢 字 慘.
Bút chép chữ tình ra chữ thảm.

f° 17B; col 1.

絧 題 詩 景 化 詩 愁.
Giấy đề thơ cảnh hoá thơ sầu.

拱 懞 摟 世 心 忯 慄.
Cũng mong muộn thế lãm khuây khoả.

仍 世 麽 忯 慄 特 兜.
Nhủng thế mà khuây khoả được đâu.

其 五 十 四.
Kỳ ngũ thập tứ.

沒 辰 畧 嬪 沒 畧 緣.
Một thôi là nợ một là duyên.

𣍐 蓬 矜 陀 覩 余 番.
Cay đắng nay đã thấy mấy phen.

愠 忙 台 畧 身 緾 女.
Buồn bã thay là thân Chúc-nữ.

勞 刀 嚫 吟 劫 嬋 娟.
Lao đao lắm nhỉ kiếp thuyền quyên.

滝 銀 隔 阻 包 欵 合.

Sông ngân cách thở bao giờ hợp.
嘶 玉 諾 滿 俸 祝 悁.
Chén ngọc dấy vơi bỗng chốc quen.
忡 想 鬨 情 疥 疸 吟.
Sối tưởng khuê tình đau đớn nhẽ.
味 溢 之 底 染 牟 蓮.
Mùi bin chi để nhuộm mầu sen.

其 五 十 五.
Kỳ ngũ thập ngũ.

f° 18ª col 1

朗 瞟 風 景 鼕 朝 生.
Lặng nhìn phong cảnh lắm chiều xinh,
吊 昳 吊 空 綿 慘 榮.
Nào lúc nào không mỏi thảm oanh.
霥 隻 嘌 冷 班 最 永.
Bóng chiếc thăm lênh ban tối vắng.
烟 殘 飄 伴 暝 腊 清.
Đèn tàn bầu bạn thuở đêm thanh,
边 梂 悟 粔 鴛 攔 翅.
Bên cầu bẽ mặt uyên lan cánh.
跼 操 嚢 的 柳 撿 挭.
Cuốc tháo trêu người liễu dứ cành.

春 故 之 麽 赧 拥 把.
Xuân cố chi mà riêng giường giấy.
赻 宫 奄 余 麵 傾 城.
Sáu cung đã mấy mặt khuynh thành.

其 五 十 六.
Kỳ ngũ thập lục.

劈 悉 仍 絆 綿 絲 紅.
Các lòng nhưng bận mối tơ vương.
堆 学 情 緣 鑿 鉏 昌.
Đối chữ tình duyên tạc đến xưởng
霤 義 沼 散 茉 竹 癒.
Mưa nghĩa rưả tan chồi trúc uá.
曝 情 炸 燥 翅 蓮 鎮.
Nắng tình giải ráo cánh sen vãng.
運 咗 戝 汐 魂 高 梦.
Mây lưa giấc vắn hồn cao mộng.
邋 扇 鍾 則余 啃 斷 腸.
Gió quạt chuông xa tiếng đoạn tràng.
緣 仄 情 尼 油 世 仄.
Duyên ấy tình nay dù thế ấy.
嬡 嚐 欺 拱 淞 寅 香.

f° 18 B; col 1

Non thê thì cũng người giãn hướng.

其五十七.

Kỳ ngũ thập thất.

捲幅紈縗諾睞渃.
Quản bức khăn là nước mắt đầy.
餒賴躰吏沒躰咍.
Nỗi riêng mình lại một mình hay.
猥鴟拔灟吟愁拖.
Con chim bạt gió ngâm sầu đỏ.
隻鷹鷩霜磌淬台.
Chiếc nhạn kinh sương nặng xót thay.
垂余睽舂花塢緬
Giữa mấy mùa xuân hoa ủ mặt,
簾巴更月柳珠鬱.
Rèm ba canh nguyệt liễu châu mày.
餒躰吠嘿之朱佇.
Nỗi mình thác mặc chi cho bận,
宮廣磐埃拱世尼.
Cung quảng xưa ai cũng thế này.

其五十八.

Kỳ ngũ thập bát.

f° 19 r° col 1

強 恤 懞 底 解 悤 煩.
Giảng vui mong để giải lòng phiền.
悤 絆 術 兜 吏 拯 痛.
Lòng bận về đâu lại chẳng quên.
樓 塢 鬢 春 花 箔 分.
Cây ủ mây xuân hoa bạc phận.
鬲 慷 湳 水 霥 無 緣.
Giường mơ nước thủy bóng vô duyên.
酳 迷 痗 客 酳 悤 忯.
Rượu mê mỏi khách say lòng nhớ.
彈 懽 憮 綀 綹 抆 鴛.
Dan ngẩn ngơ giây rối phím loan.
炸 悯 恤 尼 空 鑩 撦.
Có biết buồn này không nhẽ gỡ.
撦 庄 群 沒 客 嬋 娟.
Gỡ chẳng còn một khách thuyền quyên.

其 五 十 九.
Kỳ ngũ thập cửu.

箕 貼 閣 藨 吏 樓 高,
Kìa xem gác rộng lại lâu cao.
周 僥 之 恤 特 悴 芾.

Có thấy chi vui được chút nào.
曰 永 咾 嫩 歌 蜍 哭,
Ngày vắng nỉ non ca giế khóc.
朕 戝 嗚 喂 喈 鵰 嗃,
Đêm dài ánh ỏi tiếng quyên kêu.
懞 招 蓼 赤 濕 滿 泮,
Mong gieo lá thắm dành câu cạn,
侯 摟 鴣 撐 淚 慬 靈,
Hầu muộn chim xanh giọt tủi dao,
緣 分 沒 泞 埃 世 咾,
Duyên phận nỏi nênh ai thế nhỉ,
源 千 坤 悯 扔 心 窮,
Nguồn cơn thôn biết nghĩ làm sao.

fo 19B. col 1.

其 六 十.
Kỳ lục thập.

刻 演 更 迟 月 熾 征,
Khắc diễn canh chầy nguyệt hé chênh,
咀 嘟 每 餒 窖 恰 悝,
Dận to mọi nỗi khéo buồn tênh.
氷 傾 隴 慣 緣 派 赤,
Băng khuâng luống thẹn duyên phai thắm.

憿 愣 添 愴 分 沒 淨.
Ngao ngán thêm buồn phận nỏi nênh.
極 別 離 常 疒 疸 胞.
Chẳng biệt ly thường đau đớn gia.
空 思 想 拱 汹 滿 形.
Không tư tưởng cũng vẫn vơ hình.
買 咍 閉 事 空 戈 數.
Mỏi hay muốn sự không qua số,
弔 沛 高 撐 怲 準 情.
Nào phải cao xanh biếng chốn tình.

其 六 十 一.
Kỳ lục thập nhất.

𠓨 徐 救 特 窖 器 汝.
Nay chờ mai đợi khéo lã rỡ.
恪 愦 倠 辰 霋 𤺥 豬.
Lẫn thẩn thời thì bóng dã trừa.
墼 粉 𩵦 撦 得 翔 雀.
Vách phấn sao ngàn người bắn tước.
圃 桃 女 禁 客 揮 絲.
Vườn đào nỡ cấm khách trao tơ.
分 油 惇 分 欺 況 沒.

f°20ª col 1

Phận dù đành phận khi chìm nổi.
悉 拱 傷 悉 耽 懽 憒.
Lòng cũng thương lòng lúc ngẩn ngơ.
懣 拍 遝 撐 嗃 織 - 女.
Muốn vạch mây xanh kêu Chức - nữ.
竄 低 此 貂 劫 相 思.
Xuống đây thử chịu kiếp tương tư.

其 六 十 二
Kỳ lục thập nhị.

奄 懞 摸 嘆 悴 必 怙.
Dã mong mượn mỗ chút lãm khuây.
弦 摸 催 弦 怨 恨 澀.
Càng mượn thôi càng oán hận đầy.
琴 怒 萌 練 昂 語 調.
Cầm nọ mảnh giấy ngang ngửa điệu.
棋 箕 秘 渚 汚 滿 痲.
Cờ kia bí nước vẩn vơ tay.
咽 吟 詩 獨 情 嗃 咭.
Miệng ngâm thơ vượn tình kêu thét.
麵 目禁 帴 得 鐩 遝 為.
Mặt ngẩn tanh người về lạ với.

噬錦 翫紅 顏誰 促綹.
Gấm thước hồng nhan tuy xốc nổi.
双 慘 埃 到 餒 愴 尼.
Song chứng ai đến nỗi niềm này.

其 六 十 三.
Kỳ lục thập tam.

fo 21ro col 1.

戲 萌 瞳 月 月 賒 潤.
Hé mành trông nguyệt nguyệt xa khơi.
拉 嗨 姮 娥 扔 吏 倠.
Rấp hỡi hằng nga nghĩ lại thôi.
鴈 哭 霜 憑 瑄 克 吋.
Nhạn khóc sương lồng nghe khắc khoải.
花 刀 雪 餧 隘 哉 扒.
Hoa dẹo tuyết vẻ lường tới bời
襖 裙 恫 點 牟 来 歷.
Áo quần bừng điểm mầu lai lịch
風 景 愴 瞳 趣 狹 徊.
Phong cảnh buồn trông thú hẹp hòi.
唌 極 唁 鷓 南 極 瞫.
Ấn chẳng ngon mà nằm chẳng ngửa.
魋 来 吏 等 等 倠 魋.

Ngôi rồi lại đứng đứng thôi ngồi.

其六十四.

Kỳ lục thập tứ.

泠 汀 丐 分 曷 霜 沙.
Lênh đênh cái phận hạt mưa sa,
抔 德 生 成 陻 悴 車.
Nghĩ đức sinh thành lường xót xa,
養 育 腩 暚 緘 世 仄.
Dưỡng dục tháng ngày nên thế ấy,
吮 裘 灑 劇 悯 包 羅.
Ngọt lừ khuya sớm biết bao la.
慘 愁 惇 丕 悉 猥 難.
Thảm sầu đành vậy lòng con trẻ.
咮 悴 漆 煩 腋 仉 糍.
Chua xót thêm phiền nách kẻ già,
哏 嫧 哏 緣 哏 怨 結.
Rằng nợ rằng duyên rằng oán kết,
憫 蓮 鉏 帝 嗨 朱 墨.
Muốn lên đến đấy hỏi cho ra.

其六十五.

Kỳ lục thập ngũ.

f° 21ª col 1

懞 到 澴 溝 旦 汶 詞.
Mong đến danh câu thả một tờ.

慳 悬 貝 渚 監 招 詩.
Chẹn lòng với nước giám gieo thơ.

宮 撑 圊 兌 啞 散 合.
Cung xanh có đoái nhời tan hợp.

蓼 赤 坤 印 麵 憶 憮.
Lá thắm khôn in mặt ngẩn ngơ.

邋 冷 啀 犀 塊 竢 恃.
Gió lạnh thổi tê hồn đứng đợi

腈 斜 暗 熾 霽 賴 憐.
Giăng tà soi hé bóng riêng chờ.

唉 貼 情 景 畧 如 世.
Hãy xem tình cảnh lạ như thế.

邋 冷 腈 斜 奄 拯 耆.
Gió lạnh giăng tà đã cực chưa.

其 六 十 六.
Kỳ lục thập lục.

墜 塵 扣 等 啃 婵 娟.
Cõi trần deo đẳng tiếng thuyền quyên.

仉 論 嘪 夠 仉 愩 嘪.

f° 21B. col 1

Khẻ trọn nguyền sao kẻ lỗi nguyền.
擅 祝 楼 秦 之 嘆 像.
Chen chúc lâu Tần chí nuả dóng.
極 遡 宮 廣 拱 愜 緣.
Chẳng chỏi cung quảng cũng vừa duyên.
魂 梅 彷 彿 唏 霜 淡.
Hồn mai phảng phất hỏi sương điểm.
戢 桂 慚 怪 霎 月 印.
Giác quế mơ màng bóng nguyệt in.
悵 鸞 花 鈡 堋 間 妛.
Ngán nhẽ hoa trong vườn lặng nỏ.
蚵 哏 棱 潞 拱 朱 輒.
Hả răng rứng suối cũng cho nên.

其 六 十 七.
Kỳ lục thập thất.

緣 叁 惇 奄 悃 手而 叁.
Duyên giời đành đã cậy tay giời.
咳 揖 愧 愧 仍 沒 台.
e trọn mừng thầm những một hai.
宮 桂 沒 躬 愴 貝 霎.
Cung quế một mình cầm với bóng.

梦 魂 余 戢 咟 沙 慲.
Mộng hồn mấy giấc giới lan ngùi,
刻 殘 噵 吨 南五 更 月.
Khắc tàn rộn đã năm canh vuyệt.
霜 礦 招 痢 余 朵 梅.
Sương nặng gieo mòn mấy đoá mai.
憫 嗨 姊 肢 情 緒 仄.
Muốn hỏi chị giãng tình tự ấy,
更 暈 肢 吞 吟 嬓 兌.
Canh khuya giãng đã ngậm non đoài.

f. 22ª; col. 1.

其 六 十 八.
Kỳ lục thập bát.

窓 綏 戲 姅 翅 簫 擡銀.
Song the hé nửa cánh rèm ngân.
憫 报 書 題 砑 余 絡.
Muốn gửi thư đề ngại mấy lần.
邊 撟 梗 鎮 鴟 學 吶.
Gió gheo cành vàng chim học nói,
花 揀 蓋 玉 燕 浩 墡.
Hoa lay nhị ngọc én đầy sân.
迍 鷺 案 雪 遞 咟 鵲.

Hắt hưu án tuyết chấy tín thước.
煜 煓 宮 蟾 慱 往 鈞.
Chấp thoáng cung thiềm sợ chú quân.
台 字 相 思 繞 幅 錦.
Hai chữ tương tư thêu bức gấm,
悒 埃 救 到 糇 柬 君.
Cậy ai gửi đến mặt Đông-quân.

其 六 十 九.
Kỳ lục thập cửu.

弶 踘 瞶 墨 嗨 姊 腹.
Gượng dậy trông ra hỏi chị giăng.
踊 趾 沒 趾 吏 踊 趾.
Gượng giăng một bước lại gượng giăng.
憃 鑂 仍 絆 紝 愁 仄.
Lòng vương những bận vướng sầu ấy,
蹐 玉 朱 戦 砑 趾 庄.
Gót ngọc cho nên ngại bước chăng.
緣 怒 車 朱 油 蹔 織.
Duyên nợ xe cho dầu chậm chí?
春 箕 暻 吏 毛 澗 澄.
Xuân kìa ngảnh lại đã khói chừng.

f° 22 B, col 1.

窖 台 姊 月 縠 緘 惰.
Khéo thay chị nguyệt già nên lẫn.
拯 投 朱 低 摸 赤 繩.
Chẳng gửi cho đây muộn xích thằng.

其 七 十.
Kỳ thất thập.

化 工 鞘 窖 毒 怜 之.
Hoá công sao khéo độc ngầm chi.
撚 客 紅 顏 到 勞 時.
Buộc khách hồng nhan đến thế thì.
克 哄 巴 暇 看 咽 國.
Khắc khoải ba hè khen giọng quốc.
祝 嚎 余 眼 覓 悉 葵.
Chốc mòng mảy bước mách lòng quì.
分 兜 固 分 墨 囂 憾.
Phận đâu có phận ra hiu hẩm.
緣 拱 罢 緣 准 茫 鋳.
Duyên cũng là duyên chớn bạc, chì.
嗤 悯 刼 尼 墨 世 仄.
Vì biết kiếp này ra thế ấy.
斬 鐄 稅 拱 拯 宮 妃.

Nghĩn vàng thuê cũng chẳng cung phi.

其七十一.
Kỳ thất thập nhất.

f° 23ª, col 1.

疒 疸 朱 台 客 吟 愁.
Đau đớn cho thay khách ngậm sầu.

捽 鞘 朱 特 綿 心 愁.
Gỡ sao cho được mối tâm sầu.

質 浩 肫 玉 閧 朝 慴.
Chất đầy giạ ngọc muôn chiều tủi.

扣 磉 悤 春 汶 挺 愁.
Deo nặng lòng xuân một gánh sầu.

朏 郡 郡 疒 曾 曲 朏.
Ruột quặn quặn đau tưng khúc ruột,

悤 賴 賴 木 余 嫩 愁.
Lòng riêng riêng mọc mấy non sầu.

包 穇 坦 動 朱 嫩 堵.
Bao giờ đất động cho non lở.

堵 到 嫩 愁 貫 塊 愁
Lở đất non sầu mới khỏi sầu.

其七十二.
Kỳ thất thập nhị.

當 于 不 室 睏 調 鬻.
Dương còn bất rất thuở dịu hiu.
沒 刻 竜 冬 余 刻 朝.
Một khắc long dong mấy khắc chiều.
濘 沒 波 愁 空 仉 薩.
Nềnh nỏi bể sầu không kẻ tát.
爛 煉 灺 慘 囤 得 挑.
Rỡ dang đen thảm có người khêu.
月 醝 戝 蛈 群 迷 慔.
Nguyệt say giấc bướm còn mê mẩn.
花 芷 唸 蝓 渚 蹯 跕.
Hoa chườm tin ong chờ rập dìu.
沒 熆 情 鍾 退 細 妬.
Một mảnh tình chung đưa tới đó
穷 儭 沒 戝 小 樵 消.
Cùng nhau một giấc tẻo teō teo.

fo 23B. col 1.

其 七 十 三.
Kỳ thất thập tam.

猥 造 鞠 曾 仍 覓 斤.
Con tạo sao mấy nhưng mắc cân.
以 之 招 等 客 紅 裙.

Lâm chi deo đẳng khách hồng quân.
悉 鐄 仍 劭 皮 鞯 蓋.
Lòng vàng nhưng chịu bề cay đắng.
分 箔 涤 恤 餒 噯 恩.
Phận bạc thêm buồn nỗi ái ân.
花 俸 招 梗 麝 哭 雪.
Hoa bông gieo cành mà khóc tuyết.
燕 陀 離 帳 隑 嗃 春.
Yến đà lìa trướng luống kêu xuân.
紅 顏 覽 拱 滇 滇 麵.
Hồng nhan thấy cũng chan chan mặt.
賴 仍 躰 些 悯 余 分.
Riêng những mình ta biết mấy phần.

其 七 十 四.
Kỳ thất thập tứ.

戢 槐 鷺 迄 悔 得 賒.
Giấc hoè hiu hắt đội nguồi xa.
瞡 想 噉 啅 滨 慴 沙.
Trông tưởng xôn xao giọt tủi sa.
燶 潶 遂 緣 巴 嚼 菊.
Nồng nhạt dưa duyên ba chén cúc.

fo 24ª; col 1.

攙 派 者 嬭 尒 茉 花.
Chăm phai giả nọ may choi hoa.

更 昌 霜 妙 牟 花 癮.
Canh khuya sương trịu mầu hoa uá,

樓 永 霜 撩 鍥 月 斜.
Lầu vắng sương gieo vẻ nguyệt tà,

嚴 禁 堦 紅 朱 謹 鏁.
Nghiêm cấm vườn hồng cho kín khoá.

嗊 痂 拱 噲 嗚 哏 畧.
Dầu sao cũng gọi tiếng rằng là.

其 七 十 五.
Kỳ thất thập ngũ.

紅 顏 衆 胎 仍 徘 徊.
Hồng nhan trong giạ nhưng bồi hồi.

慌 分 春 撐 隆 咀 踐.
Hỡ phận xuân xanh lưỡng thở dài.

刊 扯 埃 必 鍼 隻 莫.
San sẻ ai làm nên chếch mác.

難 羅 准 仄 隆 歇 救.
Lan la chồi ấy lưỡng hơm mai.

弹 鳶 杉 仍 陀 淶 花.

Dān loan phím nhưng dā rói rác.
香 麝 味 燶 俸 瀎 嗜.
Hương xạ mùi nồng bổng nhạt hơi,
國 色 蜗 哏 陀 絕 美.
Quốc sắc hà ràng đà tuyệt mỹ.
朱 戚 翳 兒 累 塵 埃.
Cho nên gương thở luỵ trần ai.

fo 24B. col 1.

其 七 十 六.
Kỳ thất thập lục.

(每 句 用 禽 名)
(Mỗi câu dùng một tên chim)

紅○ 顏 薄 分 事 畧 常,
Hồng nhan bạc phận sự lā thường.
隻○ 莫 緣 埃 窖 掛 強.
Chếch mác duyên ai khéo quấy càng.
襘 鳳○ 褸 雷 戚 冷 汀,
Gối phượng lẻ loi nên lạnh lẽo.
房 鴦○ 永 鎒 隴 慵 怯.
Phòng loan vắng vẻ lường mơ màng.
聽 鴦○ 啼 噰 強 添 懾,
Nghe oanh rúi rít càng thêm tủi.

僥 燕○ 霜 超 兌 吏 傷.
Thấy yên sương xiêu đoái lại thương.
刊 鴈○ 物 箕 群 世 仄.
San sẻ vật kia cõn thế ấy.
況 之 畧 餒 客○ 房 香.
Huống chi lã nỗi khách phòng hương.

其 七 十 七.
Kỳ thất thập thất.

埃 窖 吟 題 字 月 花.
Ai khéo ngâm đề chữ nguyệt hoa.
箕 緣 恕 分 撿 鞘 罣.
Kia duyên nọ phận giữ sao ra.
氷 傾 皑 桂 邑 更 月.
Băng khuâng phách quế ba canh nguyệt.
絏 縚 憃 絲 余 喈 鶻.
Bối rối lòng tơ mấy tiếng gà.
禬 鳳 慲 怯 欺 雪 染.
Gói phượng nơ mang khi tuyết nhuộm.
禎 鸉 冷 汚 昡 霜 沙.
Chăn loan lạnh leõ lúc sương sa.
暗 姻 翰 想 翰 欣 奇.

f. 25a, col. 1.

Soi gương mình tưởng mình hơn cả.
豬 駑 衝 宮 余 仉 器.
Chửa rẽ trong cung mấy kẻ lã.

其 七 十 八.
Kỳ thất thập bát.

房 椒 忏 悖 𠊚 數 矜.
Phòng tiêu vô nỗ dã lâu nay.
唌 藥 迷 弔 余 麵 咍.
Dầu thuốc mê não mấy mặt hay.
慣 悄 嘲 花 花 拯 吶.
Tập tỉnh chào hoa hoa chẳng nói.
悁 踈 瞳 月 月 強 醒.
Thẩn thờ trông ngượt ngượt càng say.
唭 咻 仍 慳 緣 灰 慨.
Hỡ mỏi những thẹn duyên hổi hẩm.
惴 麵 添 憶 胎 湳 遷.
Ngẩn mặt thêm buồn gia nước mây.
克 忲 朒 長 歐 拱 隴.
Khắc khoải đêm trường âu cũng lường.
嘐 更 鵬 鵬 𠊚 珠 簪.
Gióng canh quốc quốc dã châu mây.

f025b, col 1.

其七十九.

Kỳ thất thập cửu.

(每句用菓名)

(Mỗi câu dùng một tên quả)

㘝○名香焰閉數矜.
Vả danh hương lửa bấy lâu nay.
女底紅○顏嚬撐.
Nữ để hồng nhan chịu đáng cay.
情負腭桃○鞠藉余.
Tình phụ má đào sao bạc mấy.
慷○怪色淚仍兜囲.
Mơ mãng sắc nước những đào vầy.
甘○哏分藉穷緣慳.
Cam rằng phận bạc cũng duyên hẩm.
愧○奄荃高吏坦磡.
Cậy đã giời cao lại đất giầy.
吝橘○緣尼芾女負.
Lẫn quất duyên này nào nỡ phụ.
得鞠克○暢仉兼尼,
Người sao sung sướng kẻ dường này.

其八十.

Kỳ bát thập

累下 月 懺 彈 莞 鬱 苦.
Dưới nguyệt ghê đàn ngón mơ mang.
婷 婷 如 我 心 愁 腸.
Đành đành như nhắc tấm sầu trường.
屯 犀 練 瑟 干 用 孚
Chi tê giây sắt cón giường giấy.
整 憐 持 箜 揲 悟 愡.
Chỉnh mảng chầy sênh điệp bể bâng.
淚 怒 烤 婚 蟲 妗 曲.
Lệ nọ héo hon tằm chín khúc.
愁 箕 聖 脫 玉 堆 行.
Sầu kia thánh thót ngọc trời hàng.
相 思 埃 悯 罟 兼 衣.
Tương tư ai biết là dường ấy.
恤 仉 離 卑 余 黯 長.
Xót kẻ le te mấy dặm trường.

fo 26a, col 1.

其 八 十 一.
Kỳ bát thập nhất.

愔 埃 槐 被 淮 宮 膝.
Cậy ai giàu bể chốn cung giăng.
淶 竊 塵 間 余 姊 妲.

Rồi xuống trần gian mấy chị hằng.

朱 妥 悉 箕 瞶 永 永.

Cho thoả lòng kia trông vắng vắng.

吵嬌 群 愁 怒 撚 康 康.

Kẻo còn sầu nọ buộc khăng khăng.

奄 痢 猥 眛 吟信 紅 葉.

Dầy mòn con mắt tin hồng diệp.

吏 絆 賴 悉 綿每 赤 繩.

Lại bận riềng lòng mối xích thằng.

吁 咳 扣 撥 朱 院 約.

Xin hãy giãy gian cho vẹn ước.

息 撈 嬓 泰 喑 鞘 平.

Ơn so non Thái vì sao bằng.

其 八 十 二.

Kỳ bát thập nhị.

如 村 呶 嘆 余 更 鴾

Nhà thôn eo óc mấy canh gà.

鬲 扔 則 来 吏 扔 賒.

Hết nghĩ gần rồi lại nghĩ xa.

f. 26. col 1. 檜 待 南五 更 歪 捽 糊

Gối đợi năm canh giờ suốt sáng.

襯 篭 姅 幅 雪 系 坡。
Chân lồng nuả bức tuyết dường pha.

呶 嗹 悸 動 悤 唐 主。
Guử tàu sợ động lòng Đường chúa.

吒 嘿 添 煩 胞 補 裗。
Chắc mắc thêm phiền già Bổ-già.

噉 嗨 東 君 情 緒 仄。
Uốn hỏi đông-quân tình tự ấy.

赻 宮 倣 余 仉 如 些。
Sáu cung phỏng mấy kẻ như ta.

其 八 十 三。
Kỳ bát thập tam.

拱 扔 遡 春 囿 汶 辰。
Cũng nghĩ chơi xuân có một thì.

朱 戚 愁 慘 餒 相 思。
Cho nên sầu thảm nỗi tương tư.

邋 撐 韄 雞 遡 排 衳。
Cóc xanh tuổi trẻ chơi bời lấy

頭 箔 齧 竜 嘆 咀 之。
Đầu bạc răng long thán thở chi.

瞳 景 忸 春 悤 愛 碍。
Trông cảnh nhớ xuân lòng ái ngại.

傷 春 惜 景 脚 噫 呢.
Thương xuân tiếc cảnh giạ nãn nì.
燧 埃 煜 煬 賒 賒 奴.
Duốc ai thấp thoáng xa xa đó.
固 泠 瞬 春 吝 未 彭.
Có phải tìm xuân lận mọc đi.

其 八 十 四
Kỳ bát thập tứ.

f° 27ᵃ. col 1.

埃 蓮 嗯 嗨 客 宮 寒.
Ai lên nhắn hỏi khách cung hãn.
緣 分 欣 儭 余 度 瀾.
Duyên phận hòn nhau mấy độ lan.
煜 煬 奎 秋 期 月 缺.
Thấp thoáng giờ thu kỳ nguyệt khuyết.
惱 懷 曝 夏 暴 花 殘.
Não nùng nắng hạ thuở hoa tàn.
能 埿 金 闕 敲 得 歷.
Hay nói kim khuyết nhiều người lịch.
能 准 珠 宮 敲 仉 頑.
Hay chốn châu cung lắm kẻ ngoan.
哦 罕 宮 腠 歐 拱 勞.

Chắc hẳn cung giăng âu cũng thế.
拱 扣 分 蒲 買 紅 顏.
Cũng deo phận bạc máy hồng nhan.

其 八 十 五.
Kỳ bát thập ngũ.

愁 尼 慘 怒 掣 畧 包.
Sầu nay thảm nọ xiết là bao.
摸 景 心 忉 嘵 渴 滔.
Mượn cảnh lâm khuây kẻo khát khao.
諾 碧 招 鈎 咳 胞 鮹.
Nước biếc gieo câu e gia cá.
嫩 撑 踏 雪 砑 頭 樵.
Non xanh dạp tuyết ngại chân tiều.
東 皐 動 飭 棋 緘 痂.
Đông cao gáng sức cày nên mới.
北 地 油 瞳 牧 喝 嘵.
Bắc địa du nghe mục hát ngao.
弦 瞸 弦 疡 衆 畢 景.
Càng ngẫm càng đau trong bốn cảnh.
景 帋 畧 景 拯 羊 條.
Cảnh nào là cảnh chẳng tiêu diều.

f° 27 B. col 1.

其八十六.

Kỳ bát thập lục.

波	嘗	源	恩	仍	女	芾
Bể	ái	nguồn	ân	nhưng	nữ	nāo;
秳	圮	瀾	漫	淮	枯	敲
Riêng	nói	tràn	giạt	chốn	khô	thao.
宮	唐	怒	仇	唆	唏	麝
Cung	Đường	nọ	kẻ	lường	hỏi	xạ.
殿	漢	箕	埃	粹	膦	桃
Điện	Hán	kia	ai	tốt	má	đào.
慘	質	蟄	重	嫩	唉	劒
Thảm	chất	chập	chùng	non	hay	kém.
愁	滌	淶	淜	波	潟	覓
Sầu	tuôn	lai	láng	bể	vơi	nao.
主	春	嗨	客	遡	終	貝
Chuá	xuân	hỏi	khách	chơi	chung	với.
嗜	丐	糙	箕	踏	踏	跩
Kéo	cái	già	kia	sộc	sộc	theo.

其八十七.

Kỳ bát thập thất.

fo 28a. col 1.

迷 憮 暳 春 醒 戢 花.

Mê mản ngày xuân tỉnh giấc hoa.
憚 蹔 農 餒 窖 台 畏.
Giận vế nồng nỗi khéo hay lạ.
爹 香 蘇 木 干 愁 亜.
Nén hương tô mộc cỏn sầu tác.
屏 粉 燕 脂 滨 慬 坡.
Bình phấn yên chi giọt tủi pha.
抓 鵲 慌 穷 娘 織 - 女,
Cầu thước hỏ cùng nàng Chức - nữ.
宮 寒 慍 尒 奈 姮 - 娥.
Cung hàn uu máy a Hằng - nga.
汶 南 度 尒 晌 春 佐.
Một năm độ máy mùa xuân tá.
愛 砑 紅 顏 艹 買 麝.
Ái ngại hồng nhan thế mấy mà.

其 八 十 八.
Kỳ bát thập bát.

朵 花 莊 並 滨 霜 露.
Đoá hoa chưng chứng giọt mưa dao.
嗹錦 分 紅 顏 囤 恪 芾.
Gấm phận hồng nhan có khác nào.

花 妥 豁 婁 花 恰 襂.
Hoa nơ hang sâu hoa khác thắm.
曷 沙 波 苦 曷 軸 澹.
Hạt sa bể khổ hạt trong tao.
貝 能 唆 吶 蹤 緣 襂.
Mới hay lừng lấy về duyên thắm.
停 圄 諮 咣 仍 膦 桃.
Dừng có khoe khoang những má đào.
f. 28B. col 1. 咁探 嗨 余 得 殿 漢 蚤箇.
Chàm hỏi mấy người đến Hán cũ.
哏 碧 王 氏 仍 少 痴.
Rằng xưa Vương thị những làm sao.

其 八 十 九.
Kỳ bát thập cửu.

拱 畧 膦 粉 拱 躬 蝓.
Cũng lơ má phấn cũng lừng ong.
仉 恼 惱 痴 仉 冷 潺.
Kẻ não nơ sao kẻ lạnh lùng.
局 数 氏 為 咪 悯 器.
Cuộc sổ ấy vì xui biết trước.
屾 緣 哈 黜 吝 包 軸.

Tấm duyên hay bởi lận vào trong.
頭 梳 霎 桂 燃 油 泊.
Đầu lường bóng quế soi dù bạc,
髮 壁 味 椒 冷 女 銅,
Lưng vách mùi tiêu lạnh nửa đồng.
烟 喳 余 秋 油 屯 泮.
Đến chực mấy thu dầu đã cạn,
添 油 吊 約 客 隆 中,
Thêm dầu nào ước khách long trung.

其 九 十.

Kỳ cửu thập.

樓 邊 更 遞 永 嗒 刁.
Lầu quạnh canh chầy vắng tiếng điêu.
憮 賴 沒 心 慽 寮 朝.
Niềm riêng một tấm tủi thầm chiều.
殿 鐄 怒 仉 緣 潭 赭.
Điện vàng nợ kẻ duyên đầm thắm.
茹 鈾 鞘 得 分 慳 鬱.
Nhà bạc sao người phận hẩm hiu.
燶 熰 暩 暝 搥 帳 錦.
Nồng nực ngày hè buồng trướng gấm.

fo 29v° col 1.

冷 漏 脽 雪 汹 幔 紨.
Lạnh lùng đêm tuyết vắl màn thêu.
傕 傕 敖 愩 緣 畏 迎.
Chơi thời may rủi duyên lại gặp.
膦 粉 芾 埃 拯 美 苗.
Má phấn nào ai chẳng mỹ miều.

其 九 十 一.
Kỳ cửu thập nhất.

跐 蓮 徐 睬 蹅 宮 遙.
Bước lên tuổ thuở giạo cung mây.
貲 渚 愁 頮 余 挭 浯.
Chất chứa sầu riêng mấy gánh dầy.
愩 愣 芾 埃 緣 縜 縞.
Ngao ngán nào ai duyên boé với.
氷 傾 鞠 仉 分 咪 鞣.
Băng khuâng sao kẻ phận chua cay.
暟 踈 矧 粔 皮 欣 舌.
Ngày thơ thẩn mặt bẽ hớn thiệt.
脽 慬 愧 憃 戢 閍 閍.
Đêm ngắn ngơ lòng giấc tỉnh say.
番 次 唶 燘 絡 絒 狙.

Phiên thú vì soi lần luột đến.
待 持 做 度 余 秋 迟.
Đợi chờ phòng độ máy thu chầy.

其 九 十 二.
Kỳ cửu thập nhị.

戲 簾 瞳 月 淚 滌 浩.
Hé rèm trông ngượt lệ tuôn đầy.
假 弦 心 忙 吏 拯 忙.
Giả giường lâm khuây lại chẳng khuây.
曲 笛 日 疎 濛 沐 揲.
Khúc địch nhật thưa khói trát dịp.
宮 彈 桑 性 汹 滿 練.
Cung đàn tang tính vẩn vơ giầy.
慚 油 隑 塢 堆 鬻 月.
Giận giầu luống ủ đòi mầy ngượt.
哉 左 添 蓬 沃 賣 遠.
Tới tả thêm bồng một mái mây.
悁 不 室 麝 慨 愣 丕.
Quen bắt rát mắ ngao ngán vậy.
鐘 常 泳 蘇 本 習 矜.
Nhẽ thường phai thắm vốn xưa nay.

其九十三.

Kỳ cửu thập tam.

緣分為兜窖惄扛.
Duyên phận vi đâu khéo giỏ giang.
噉慧添扔扔添強.
Rộn lòng thêm nghĩ nghĩ thêm cang.
底滝珠溯坤朝燄.
Đáy sông châu lặng khôn chiều tỏ.
膝崗蘭唆拱隴香
Suối núi lan lưng cũng tuồng hương.
[fo 30a, col 1.] 隊刻氷傾花吝粉.
Giờ khắc băng khuâng hoa lẫn phấn.
腩暻慨慘雪坡霜.
Tháng ngày ngao ngán tuyết pha sương.
車狌絡慲慧思想.
Xe hiêu lẫn ngóng lòng tư tưởng.
淚慘治滌悯余行.
Lệ thảm đầy tuôn biết mấy hàng.

其九十四.

Kỳ cửu thập tứ.

劬哏輸劍餧夷兜.

Há rằng thua kém nỗi gì dâu.
忺 想 源 干 害 拱 油.
Sỏi tưởng nguồn còn khéo cũng dâu.
分 藩 箕 埃 欣 余 呂.
Phận thảm kia ai hỏn mấy lỏ.
緣 派 怒 仉 恪 柬 僥.
Duyên phai nợ kẻ khác gì nhau.
熠 烳 洶 胞 皮 欣 舌.
Bập bềnh vẫn giạ bể hỏn thiệt.
淶 潮 賴 慈 餿 淨 漊.
Lai láng riềng lòng nỗi cạn sâu.
憧 忣 惜 慈 忤 慄 丕.
Gượng gập tiếc lòng khuây khoả vậy.
噆 番 思 想 膞 添 疡.
Dại phen tư tưởng ruột thêm đau.

其九十五.
Kỳ cửu thập ngũ.

fo 30 B. col 1.

紅 顏 沒 刼 還 遣 鞠.
Hồng nhan một kiếp lạ lùng sao.
綈 俚. 嚼 埃 害 找 吒.
Mỏi lái khen ai khéo nhắc mau.

夏 細 添 愁 滌 焰 貓.
Hạ tòi thêm sầu tuôn lửa lục.
春 蹴 賴 慘 悶 花 桃.
Xuân về riêng thảm muộn hoa đào.
宮 珠 恠 嘯 恩 壽 磭.
Cung châu nhỏ tiếng ơn Vua nặng.
殿 錦 為 貪 祿 諾 高.
Điện gấm vì tham lộc nước cao.
想 到 身 尼 罷 勞 仪.
Tưởng đến thân nầy ra thế ấy.
辰 之 到 餒 諾 嫩 爺.
Thời chi đến nỗi nước non nào.

其 九 十 六.
Kỳ cửu thập lục.

憫 批 湯 遷 嗨 燴 煬.
Muốn bác thang mầy hỏi rỏ dạng.
情 尼 找 度 余 仃 傷.
Tình nầy nhác độ mấy cân thương.
褸 雷 猥 鬼 蹺 彙 月.
Lẻ loi con thỏ theo vầng nguyệt.
慨 愣 慧 蔘 曦 霽 陽.

Ngao ngán lòng quê hé bóng dương.
鰲 桂 愴 油 春 海 雪
Phách quế buồn dầu xuân hải tuyết.
戢 槐 冷 汀 夏 慘 霜.
Giấc hoè lạnh lẽo hạ mồ sương.
fo 31a; col 1
嵑 哏 澗 潢 朱 緘 餞.
Há ráng khởi diễn cho nên nỗi.
高 瀋 斾 重 狹 剭 剭,
Cao thẩm nghĩn trùng hẹp tác gang.

其 九 十 七,
Kỳ cửu thập thất.

彈 埃 歌 唱 餐 边 樓.
Đàn ai ca xướng ở bên lâu.
雪 點 蓮 殘 余 涙 珠.
Tuyết điểm sen tàn mấy giọt châu.
鼈 菊 誇 鐄 迷 案 轐.
Vè cúc khoe vàng quanh án trước.
牟 蘭 鋪 寔 捽 更 輸.
Mâu lan phô trang suốt canh thâu.
魂 鳶 哭 竹 簫 琊 擷.
Hồn loan khóc trúc rèm ngà hé.

魄 蚿 瞵 梅 崗 硃 愁.
Phách buồn tìm mai đồng đá sầu.
景 伊 情 尼 添 嗌 嘿.
Cảnh ấy tình nay thêm thác mắc,
主 春 固 透 餧 朱 儵.
Chúa-xuân có thấu nỗi cho nhau.

其九十八.

Kỳ cửu thập bát.

脂 脂 懞 痗 客 京 華.
Đêm đêm mong nhớ khách kinh hoa.
永 永 聰 暄 喈 當 赊.
Vắng vắng tai nghe tiếng dịch xa.
f° 31 B, col 1. 靚 粉 仕 迎 来 膦 塢.
Bình phấn sẽ nghiêng giời mái ủ.
炻 香 潪 煨 淡 牟 肪.
Lò hương nhạt khói đượm màu gia.
邊 抹 戮 屋 岸 荤 嗩.
Gió lay trước ốc ngàn lau thổi.
花 撋 边 墡 霽 月 斜.
Hoa dù bên thềm bóng nguyệt tà.
嗯 特 柬 君 術 細 妬.

Nhắn được đông - quân về tới đó.
浅 戔 承 恩 鄂 拱 巹.
Một giác thừa ân rể cũng già.

其 九 十 九.
Kỳ cửu thập cửu.

自 睬 宮 珠 𠓨 余 年.
Tự thuở cung châu đã mấy niên.
仍 畏 拦 悱 吏 扣 煩.
Những lã mang giận lại deo phiền.
愁 暄 持 攐 边 箕 閣.
Sầu nghe chẳng nện bên kia các.
恡 咿 鐘 挑 賨 怒 墨.
Buồn giọng chuông khêu mái nọ chiền.
遶 律 姅 禛 嫌 在 分.
Gió lọt nửa chăn hiềm tại phận,
烟 拎 隻 霽 責 為 緣.
Đèn giong chiếc bóng trách vì duyên.
約 歔 琴 琛 連 琊 細.
Ước nọ cầm sắt liền tay tới,
嫩 涕 願 碧 斐 訢 願.
Non nước nguyền xưa phỉ thuả nguyền.

其 一 百
Kỳ nhất bách.

边 簾 啼 噴 啁 鴟 鶯
Bên rèm giú giỏi tiếng chim - oanh.

躬 仍 牢 刀 沒 事 躬
Mình những lao dao một sự mình.

頂 炭 霥 花 蟶 剳 效
Đính giáp bóng hoa lồng cửa sổ.

溫 湘 瀾 潯 暎 頭 城
Dành tương lan sóng ánh chân thành.

霥 鴻 湿 烟 咍信 趁 吏
Bóng hồng thấp thoáng tin đi lại.

魂 蚿 慔 怵 憒頭 刻 更
Hồn bướm mơ màng ngóng khắc canh.

吶 餒 憸 西 坤 掣 唶
Nói nỗi niềm tây khôn xiết kể.

筆 花 森 幅 寫 鍾 情
Bút hoa trăm bức tả chung tình.

Quán Ven Đường mượn từ thư viện Đại Học Yale


M
P. P.
R